VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 ban hành Chương trình Giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông

(Tiếp theo Công báo số 671 + 672)

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phần thứ hai. CHƯƠNG TRÌNH CÁC MÔN HỌC

MÔN TOÁN
LỚP 11

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
ĐẠI SỐ VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ GIẢI TÍCH		
Đại số		
Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	*Góc lượng giác. Số đo của góc lượng giác. Đường tròn lượng giác. Giá trị lượng giác của góc lượng giác, quan hệ giữa các giá trị lượng giác. Các phép biến đổi lượng giác (công thức cộng; công thức nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng; công thức biến đổi tổng thành tích*)	- Nhận biết được các khái niệm cơ bản về góc lượng giác: khái niệm góc lượng giác; số đo của góc lượng giác; hệ thức Chasles cho các góc lượng giác; đường tròn lượng giác. - Nhận biết được khái niệm giá trị lượng giác của một góc lượng giác. - Nhận biết được bảng giá trị lượng giác của một số góc lượng giác thường gặp; hệ thức cơ bản giữa các giá trị lượng giác của một góc lượng giác; quan hệ giữa các giá trị lượng giác của các góc lượng giác có liên quan đặc biệt: bù nhau, phụ nhau, đối nhau, hơn kém nhau π. - Sử dụng được máy tính cầm tay để tính giá trị lượng giác của một góc lượng giác khi biết số đo của góc đó. - Mô tả được các phép biến đổi lượng giác cơ bản: công thức cộng; công thức góc nhân đôi; công thức biến đổi tích thành tổng và công thức biến đổi tổng thành tích.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với giá trị lượng giác của góc lượng giác và các phép biến đổi lượng giác.
	Hàm số lượng giác và đồ thị	- Nhận biết được các khái niệm về hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm số tuần hoàn. - Nhận biết được các đặc trưng hình học của đồ thị hàm số chẵn, hàm số lẻ, hàm số tuần hoàn. - Nhận biết được định nghĩa các hàm lượng giác $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$ thông qua đường tròn lượng giác. - Mô tả được bảng giá trị của bốn hàm số lượng giác đó trên một chu kỳ. - Vẽ được đồ thị của các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$. - Giải thích được: tập xác định; tập giá trị; tính chất chẵn, lẻ; tính tuần hoàn; chu kỳ; khoảng đồng biến, nghịch biến của các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$ dựa vào đồ thị. - Mô tả được một số vấn đề thực tiễn gắn với hàm số lượng giác (ví dụ: một số bài toán có liên quan đến dao động điều hòa trong Vật lý,...).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Phương trình lượng giác cơ bản	- Nhận biết được công thức nghiệm của phương trình lượng giác cơ bản: $\sin x = m$; $\cos x = m$; $\tan x = m$; $\cot x = m$ bằng cách vận dụng đồ thị hàm số lượng giác tương ứng. - Tính được nghiệm gần đúng của phương trình lượng giác cơ bản bằng máy tính cầm tay. - Giải được phương trình lượng giác ở dạng vận dụng trực tiếp phương trình lượng giác cơ bản (ví dụ: giải phương trình lượng giác dạng: $\sin 2x = a$, $\cos 2x = a$, $\tan 2x = a$ và $\sin 2x = \sin 3x$ - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình lượng giác (ví dụ: một số bài toán liên quan đến dao động điều hòa trong Vật lý,...).
Dãy số. Cấp số cộng. Cấp số nhân	*Dãy số. Dãy số tăng, dãy số giảm*	- Nhận biết được dãy số hữu hạn, dãy số vô hạn. - Thể hiện được cách cho dãy số bằng liệt kê các số hạng; bằng công thức tổng quát; bằng hệ thức truy hồi; bằng cách mô tả. - Nhận biết được tính chất tăng, giảm, bị chặn của dãy số trong những trường hợp đơn giản.
	Cấp số cộng. Số hạng tổng quát của cấp số cộng. Tổng của n số hạng	- Nhận biết được một dãy số là cấp số cộng. - Giải thích được công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số cộng. - Tính được tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số cộng.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	đầu tiên của cấp số cộng	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số cộng để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: một số vấn đề trong Sinh học, trong Giáo dục dân số,...).
	Cấp số nhân. Số hạng tổng quát của cấp số nhân. Tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số nhân	- Nhận biết được một dãy số là cấp số nhân. - Giải thích được công thức xác định số hạng tổng quát của cấp số nhân. - Tính được tổng của *n* số hạng đầu tiên của cấp số nhân. - Giải thích được một số vấn đề thực tiễn gắn với cấp số nhân để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn (ví dụ: một số vấn đề trong Sinh học, trong Giáo dục dân số,...).
Một số yếu tố giải tích		
Giới hạn. Hàm số liên tục	*Giới hạn của dãy số. Phép toán giới hạn dãy số. Tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn*	Nhận biết được khái niệm giới hạn của dãy số. - Nhận biết được một số giới hạn cơ bản như: $\lim\limits_{n\to+\infty}\frac{1}{n^k}=0(k\in\mathbb{N}^*)$ $\lim\limits_{n\to+\infty}q^n=0\ (\lvert q\rvert<1)$; $\lim\limits_{n\to+\infty}c=c$ với c là hằng số. - Tính được các phép toán giới hạn dãy số để tìm giới hạn của một số dãy số đơn giản (ví dụ: $\lim\limits_{n\to+\infty}\frac{2n+1}{n}$; $\lim\limits_{n\to+\infty}\frac{\sqrt{4n^2+1}}{n}$). - Tính được tổng của một cấp số nhân lùi vô hạn và vận dụng được kết quả đó để giải quyết một số tình huống thực tiễn giả định hoặc liên quan đến thực tiễn.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	1.2. *Giới hạn của hàm số. Phép toán giới hạn hàm số*	- Nhận biết được khái niệm giới hạn hữu hạn của hàm số, giới hạn hữu hạn một phía của hàm số tại một điểm. - Nhận biết được khái niệm giới hạn hữu hạn của hàm số tại vô cực và mô tả được một số giới hạn cơ bản như: $\lim\limits_{x\to+\infty}\frac{c}{x^k}=0$, $\lim\limits_{x\to-\infty}\frac{c}{x^k}=0$ với c là hằng số và k là số nguyên dương. - Nhận biết được khái niệm giới hạn vô cực (một phía) của hàm số tại một điểm và hiểu được một số giới hạn cơ bản như: $\lim\limits_{x\to a^+}\frac{1}{x-a}=+\infty; \lim\limits_{x\to a^-}\frac{1}{x-a}=-\infty.$ - Tính được một số giới hạn hàm số bằng cách vận dụng các phép toán trên giới hạn hàm số. - Mô tả được một số vấn đề thực tiễn gắn với giới hạn hàm số.
	1.3. *Hàm số liên tục*	- Nhận dạng được hàm số liên tục tại một điểm, hoặc trên một khoảng, hoặc trên một đoạn. - Nhận dạng được tính liên tục của tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục. - Nhận biết được tính liên tục của một số hàm sơ cấp cơ bản (như hàm đa thức, hàm phân thức, hàm căn thức, hàm lượng giác) trên tập xác định của chúng.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
Hàm số mũ và hàm số lôgarit	*Phép tính lũy thừa với số mũ nguyên, số mũ hữu tỉ, số mũ thực. Các tính chất*	- Nhận biết được khái niệm lũy thừa với số mũ nguyên của một số thực khác 0; lũy thừa với số mũ hữu tỷ và lũy thừa với số mũ thực của một số thực dương. - Nhận dạng được các tính chất của phép tính lũy thừa với số mũ nguyên, lũy thừa với số mũ hữu tỷ và lũy thừa với số mũ thực. - Sử dụng được tính chất của phép tính lũy thừa trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý). - Tính được giá trị biểu thức số có chứa phép tính lũy thừa bằng sử dụng máy tính cầm tay. - Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phép tính lũy thừa (ví dụ: bài toán về lãi suất, sự tăng trưởng,...).
	Phép tính lôgarit (logarithm). Các tính chất	- Nhận biết được khái niệm lôgarit cơ số a ($a > 0$, $a \neq 1$) của một số thực dương. - Giải thích được các tính chất của phép tính lôgarit nhờ sử dụng định nghĩa hoặc các tính chất đã biết trước đó. - Sử dụng được tính chất của phép tính lôgarit trong tính toán các biểu thức số và rút gọn các biểu thức chứa biến (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		- Tính được giá trị (đúng hoặc gần đúng) của lôgarit bằng cách sử dụng máy tính cầm tay. - Mô tả được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phép tính lôgarit (ví dụ: bài toán liên quan đến độ pH trong Hóa học,...).
	Hàm số mũ. Hàm số lôgarit	- Nhận biết được hàm số mũ và hàm số lôgarit. Nêu được một số ví dụ thực tế về hàm số mũ, hàm số lôgarit. - Nhận dạng được đồ thị của các hàm số mũ, hàm số lôgarit. - Nhận biết được các tính chất của hàm số mũ, hàm số lôgarit thông qua đồ thị của chúng. - Giải quyết được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với hàm số mũ và hàm số lôgarit (ví dụ: lãi suất, sự tăng trưởng,...).
	Phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit	- Giải được phương trình, bất phương trình mũ, lôgarit ở dạng đơn giản (ví dụ $2^{x+1}=\frac{1}{4}$; $2^{x+1}=2^{3x+5}$; $\log_2(x+1)=3$; $\log_3(x+1)=\log_3(x^2-1)$). - Mô tả được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với phương trình, bất phương trình mũ và lôgarit (ví dụ: bài toán liên quan đến độ pH, độ rung chấn,...).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
Đạo hàm	*Khái niệm đạo hàm. Ý nghĩa hình học của đạo hàm*	- Nhận biết được một số bài toán dẫn đến khái niệm đạo hàm như: xác định vận tốc tức thời của một vật chuyển động không đều, xác định tốc độ thay đổi của nhiệt độ. - Nhận biết được khái niệm đạo hàm. Tính được đạo hàm của một số hàm đơn giản bằng định nghĩa. - Nhận biết được ý nghĩa hình học của đạo hàm. - Viết được phương trình tiếp tuyến của đồ thị hàm số tại một điểm thuộc đồ thị. - Nhận biết được số *e* thông qua bài toán mô hình hóa lãi suất ngân hàng.
	Các quy tắc tính đạo hàm	- Tính được đạo hàm của một số hàm số sơ cấp cơ bản (như hàm đa thức, hàm căn thức đơn giản, hàm số lượng giác, hàm số mũ, hàm số lôgarit). - Sử dụng được các công thức tính đạo hàm của tổng, hiệu, tích, thương của các hàm số và đạo hàm của hàm hợp. - Mô tả được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với đạo hàm (ví dụ: xác định vận tốc tức thời của một vật chuyển động không đều,...).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Đạo hàm cấp hai	- Nhận biết được khái niệm đạo hàm cấp hai của một hàm số. - Tính được đạo hàm cấp hai của một số hàm số đơn giản. - Giải thích được một số vấn đề có liên quan đến môn học khác hoặc có liên quan đến thực tiễn gắn với đạo hàm cấp hai (ví dụ: xác định gia tốc từ đồ thị vận tốc theo thời gian của một chuyển động không đều,...).
Thực hành trong phòng máy tính với phần mềm toán học (nếu trung tâm có điều kiện thực hiện)		
- Biết phần mềm để hỗ trợ việc học các kiến thức đại số và giải tích. - Biết sử dụng phần mềm để vẽ đồ thị hàm số lượng giác và sử dụng đồ thị để tạo các hoa văn, hình khối. - Biết sử dụng phần mềm để tạo mô hình thao tác động mô tả giới hạn, mô tả hàm số liên tục. - Biết sử dụng phần mềm để vẽ đồ thị hàm số lũy thừa, hàm số mũ, hàm số lôgarit và tìm hiểu đặc điểm của chúng. - Biết sử dụng phần mềm để tạo mô hình mô tả đạo hàm, ý nghĩa hình học của tiếp tuyến.		
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học không gian		
Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	*Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Cách xác định mặt phẳng. Hình chóp và hình tứ diện*	- Nhận biết được các quan hệ liên thuộc cơ bản giữa điểm, đường thẳng, mặt phẳng trong không gian. - Mô tả được ba cách xác định mặt phẳng (qua ba điểm không thẳng hàng; qua một đường thẳng và một điểm không thuộc đường thẳng đó; qua hai đường thẳng cắt nhau).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		- Viết được giao tuyến của hai mặt phẳng; giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng. - Vận dụng được các tính chất về giao tuyến của hai mặt phẳng; giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng vào giải bài tập. - Nhận biết được hình chóp, hình tứ diện. - Vận dụng được kiến thức về đường thẳng, mặt phẳng trong không gian để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.
Quan hệ song song trong không gian. Phép chiếu song song	*Hai đường thẳng song song*	- Nhận biết được vị trí tương đối của hai đường thẳng trong không gian: hai đường thẳng trùng nhau, song song, cắt nhau, chéo nhau trong không gian. - Mô tả được tính chất cơ bản về hai đường thẳng song song trong không gian. - Vận dụng được kiến thức về hai đường thẳng song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.
	Đường thẳng và mặt phẳng song song	- Nhận biết được đường thẳng song song với mặt phẳng. - Giải thích được điều kiện để đường thẳng song song với mặt phẳng. - Giải thích được tính chất cơ bản về đường thẳng song song với mặt phẳng. - Mô tả được kiến thức về đường thẳng song song với mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Hai mặt phẳng song song. Định lý Thalès trong không gian. Hình lăng trụ và hình hộp	- Nhận biết được hai mặt phẳng song song trong không gian. - Giải thích được điều kiện để hai mặt phẳng song song. - Giải thích được tính chất cơ bản về hai mặt phẳng song song. - Giải thích được định lý Thalès trong không gian. - Giải thích được tính chất cơ bản của lăng trụ và hình hộp. - Vận dụng được kiến thức về quan hệ song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.
	Phép chiếu song song. Hình biểu diễn của một hình không gian	- Nhận biết được khái niệm và các tính chất cơ bản về phép chiếu song song. - Nhận biết được ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác, một đường tròn qua một phép chiếu song song. - Mô tả được hình biểu diễn của một số hình khối đơn giản. - Sử dụng được kiến thức về phép chiếu song song để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.
Quan hệ vuông góc trong không gian. Phép chiếu vuông góc	*Góc giữa hai đường thẳng. Hai đường thẳng vuông góc*	- Nhận biết được khái niệm góc giữa hai đường thẳng trong không gian. - Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc trong không gian. - Chứng minh được hai đường thẳng vuông góc trong không gian trong một số trường hợp đơn giản.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		- Sử dụng được kiến thức về hai đường thẳng vuông góc để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.
	Đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. Định lý ba đường vuông góc. Phép chiếu vuông góc	- Nhận biết được đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. - Nhận biết được điều kiện để đường thẳng vuông góc với mặt phẳng. - Giải thích được định lý ba đường vuông góc. - Giải thích được mối liên hệ giữa tính song song và tính vuông góc của đường thẳng và mặt phẳng. - Nhận biết được khái niệm phép chiếu vuông góc. - Nhận biết được hình chiếu vuông góc của một điểm, một đường thẳng, một tam giác. - Nhận biết được công thức tính thể tích của hình chóp, hình lăng trụ, hình hộp. - Tính được thể tích của hình chóp, hình lăng trụ, hình hộp trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: nhận biết được đường cao và diện tích mặt đáy của hình chóp). - Vận dụng được kiến thức về đường thẳng vuông góc với mặt phẳng để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Hai mặt phẳng vuông góc. Hình lăng trụ đứng, lăng trụ đều, hình hộp đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình chóp đều.	- Nhận biết được hai mặt phẳng vuông góc trong không gian. - Mô tả được điều kiện để hai mặt phẳng vuông góc. - Giải thích được tính chất cơ bản về hai mặt phẳng vuông góc. - Giải thích được tính chất cơ bản của hình lăng trụ đứng, lăng trụ đều, hình hộp đứng, hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình chóp đều. - Vận dụng được kiến thức về hai mặt phẳng vuông góc để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.
	Khoảng cách trong không gian	- Xác định được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng; khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng; khoảng cách giữa hai đường thẳng song song; khoảng cách giữa đường thẳng và mặt phẳng song song; khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song trong những trường hợp đơn giản. - Nhận biết được đường vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau; tính được khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: có một đường thẳng vuông góc với mặt phẳng chứa đường thẳng còn lại). - Sử dụng được kiến thức về khoảng cách trong không gian để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. Góc phẳng nhị diện	- Nhận biết được khái niệm góc giữa đường thẳng và mặt phẳng. - Xác định và tính được góc giữa đường thẳng và mặt phẳng trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: đã biết hình chiếu vuông góc của đường thẳng lên mặt phẳng). - Nhận biết được khái niệm góc nhị diện, góc phẳng nhị diện. - Xác định và tính được số đo góc nhị diện, góc phẳng nhị diện trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: nhận biết được mặt phẳng vuông góc với cạnh nhị diện). - Sử dụng được kiến thức về góc giữa đường thẳng và mặt phẳng, góc nhị diện để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.
	Hình chóp cụt đều và thể tích	- Nhận biết được hình chóp cụt đều. - Tính được thể tích khối chóp cụt đều. - Sử dụng được kiến thức về hình chóp cụt đều để mô tả một số hình ảnh trong thực tiễn.
Thực hành trong phòng máy tính với phần mềm toán học (nếu trung tâm có điều kiện thực hiện)		
- Biết phần mềm để hỗ trợ việc học các kiến thức hình học. - Biết sử dụng phần mềm để vẽ đường thẳng, mặt phẳng, giao điểm, giao tuyến, tạo hình trong không gian, xác định hình biểu diễn. - Biết sử dụng phần mềm hỗ trợ đồ họa và vẽ kỹ thuật.		

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
Thống kê		
Phân tích và xử lý dữ liệu	*Các số đặc trưng của mẫu số liệu ghép nhóm*	- Tính được các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu ghép nhóm: số trung bình cộng (hay số trung bình), trung vị (*median*), tứ phân vị (*quartiles*), mốt (*mode*). - Hiểu được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn. - Rút ra được kết luận nhờ ý nghĩa của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học khác trong Chương trình lớp 11 và trong thực tiễn.
Xác suất		
Khái niệm về xác suất	*Một số khái niệm về xác suất cổ điển*	Nhận biết được một số khái niệm về xác suất cổ điển: hợp và giao các biến cố; biến cố độc lập.
Các quy tắc tính xác suất	*Các quy tắc tính xác suất*	- Tính được xác suất của biến cố hợp bằng cách sử dụng công thức cộng. - Tính được xác suất của biến cố giao bằng cách sử dụng công thức nhân (cho trường hợp biến cố độc lập).

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		- Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán đơn giản bằng phương pháp tổ hợp. - Tính được xác suất trong một số bài toán đơn giản bằng cách sử dụng sơ đồ hình cây.
Thực hành trong phòng máy tính với phần mềm toán học (nếu trung tâm có điều kiện thực hiện)		
- Biết phần mềm để hỗ trợ việc học các kiến thức thống kê và xác suất. - Biết phần mềm để tính được các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho mẫu số liệu ghép nhóm. - Biết phần mềm để tính xác suất.		
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM		
Trung tâm tổ chức cho HV một số hoạt động sau và có thể bổ sung các hoạt động khác tùy vào điều kiện cụ thể. *Hoạt động 1:* Bước đầu ứng dụng các kiến thức toán học vào thực tiễn và các chủ đề liên môn, chẳng hạn: Thực hành các hoạt động liên quan đến tính toán, đo lường, ước lượng và vận dụng các kiến thức hình học không gian vào đồ họa, vẽ kỹ thuật (như: vận dụng kiến thức về hàm số lượng giác vào tìm hiểu hệ thống hướng dẫn cất cánh và hạ cánh của máy bay, tìm hiểu hệ thống xác định phần tử bắn của pháo binh, tên lửa; vận dụng kiến thức về xác suất thống kê để giải thích các quy luật di truyền học; vận dụng các kiến thức hình học không gian vào đồ họa, vẽ kỹ thuật và thiết kế trong công nghệ,...). *Hoạt động 2:* Bước đầu ứng dụng các kiến thức toán học vào lĩnh vực Giáo dục dân số, chẳng hạn: vận dụng cấp số cộng, cấp số nhân để giải thích quy luật tăng trưởng dân số; vận dụng hàm số mũ, hàm số lôgarit để giải thích ảnh		

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
hưởng của sự tăng trưởng dân số tới tiến bộ kinh tế - xã hội, giải thích mối liên hệ giữa sự tăng trưởng dân số với môi trường sinh thái,... *Hoạt động 3:* Tìm hiểu một số kiến thức về tài chính, như: - Phác thảo kế hoạch quản lý thu nhập, tích lũy của cải trong khoảng thời gian ngắn hạn và trung hạn. - Xác định được các phương thức để bảo vệ bản thân khỏi rủi ro khi đầu tư tài chính.	

NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ LỚP 11

ỨNG DỤNG TOÁN HỌC VÀO GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ THỰC TIỄN, ĐẶC BIỆT LÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỒ HỌA VÀ VẼ KỸ THUẬT

Chuyên đề 11.1: Phép biến hình phẳng.

Chuyên đề 11.2: Một số yếu tố vẽ kỹ thuật.

Chuyên đề 11.3: Làm quen với một số yếu tố của Lý thuyết đồ thị.

Chuyên đề	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 11.1: Phép biến hình phẳng	*Phép dời hình. Phép đối xứng trục. Phép đối xứng tâm. Phép tịnh tiến. Phép quay*	- Biết thế nào là phép biến hình, phép dời hình. - Biết một số tính chất cơ bản của phép đối xứng trục, phép đối xứng tâm, phép tịnh tiến, phép quay.

Chuyên đề	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
		- Mô tả được ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn, qua phép đối xứng trục, phép đối xứng tâm, phép tịnh tiến, phép quay. - Vận dụng được phép đối xứng trục, phép đối xứng tâm, phép tịnh tiến, phép quay trong một số vấn đề thực tiễn, liên môn (ví dụ: tạo các hoa văn, hình khối,...).
	Phép đồng dạng phối cảnh (phép vị tự). Phép đồng dạng	- Biết thế nào là phép đồng dạng, phép vị tự. - Biết một số tính chất cơ bản của phép vị tự. - Giải thích được ảnh của điểm, đoạn thẳng, tam giác, đường tròn, qua phép vị tự. - Giải thích được phép đồng dạng trong một số vấn đề thực tiễn, liên môn (ví dụ: tạo các hoa văn, hình khối,...).
Chuyên đề 11.2: Một số yếu tố vẽ kỹ thuật	*Một số yếu tố vẽ kỹ thuật*	- Nhận biết được hình biểu diễn của một hình, khối. - Biết được một số nguyên tắc cơ bản của vẽ kỹ thuật. - Đọc được thông tin từ một số bản vẽ kỹ thuật đơn giản. - Giải thích được bản vẽ kỹ thuật đơn giản (gắn với phép chiếu song song và phép chiếu vuông góc).

Chuyên đề	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 11.3: Làm quen với một vài yếu tố của Lý thuyết đồ thị	*Giới thiệu một số bài toán về tìm đường đi trong những mô hình xuất phát từ thực tiễn*	- Biết thế nào là đồ thị (trong Lý thuyết đồ thị). - Nhận biết được đường đi Euler, đường đi Hamilton từ đồ thị. - Nhận biết được thuật toán về tìm đường đi tối ưu trong những trường hợp đơn giản. - Sử dụng kiến thức về đồ thị để giải quyết một số tình huống liên quan đến thực tiễn (ví dụ: xác định đường đi, xác định đường đi ngắn nhất,...).

LỚP 12

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
MỘT SỐ YẾU TỐ GIẢI TÍCH		
Một số yếu tố giải tích		
Ứng dụng đạo hàm để khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số	*Tính đơn điệu của hàm số*	- Nhận biết được tính đồng biến, nghịch biến của một hàm số trên một khoảng dựa vào dấu của đạo hàm cấp một của nó. - Mô tả được tính đồng biến, nghịch biến của hàm số trong bảng biến thiên. - Nhận biết được tính đơn điệu, điểm cực trị, giá trị cực trị của hàm số thông qua bảng biến thiên hoặc thông qua hình ảnh hình học của đồ thị hàm số.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số	- Nhận biết được giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số trên một tập xác định cho trước. - Tính được giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm số bằng đạo hàm trong những trường hợp đơn giản.
	Khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số	- Nhận biết được hình ảnh hình học của đường tiệm cận ngang, đường tiệm cận đứng, đường tiệm cận xiên của đồ thị hàm số. - Thể hiện được sơ đồ tổng quát để khảo sát hàm số (tìm tập xác định, xét chiều biến thiên, tìm cực trị, tìm tiệm cận, lập bảng biến thiên, vẽ đồ thị). - Khảo sát được tập xác định, chiều biến thiên, cực trị, tiệm cận, bảng biến thiên và vẽ đồ thị của các hàm số: $y = ax^3 + bx^2 + cx + d$ $(a \neq 0)$; $y = ax^4 + bx^2 + c$ $(a \neq 0)$; $y = \dfrac{ax+b}{cx+d}$ $(c \neq 0, ad - bc \neq 0)$; - Nhận biết được tính đối xứng (trục đối xứng, tâm đối xứng) của đồ thị các hàm số trên.
	Ứng dụng đạo hàm để giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tiễn	Vận dụng được đạo hàm và khảo sát hàm số để giải quyết một số vấn đề liên quan đến thực tiễn.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
Nguyên hàm. Tích phân	*Nguyên hàm. Bảng nguyên hàm của một số hàm số sơ cấp*	- Nhận biết được khái niệm nguyên hàm của một hàm số. - Giải thích được tính chất cơ bản của nguyên hàm. - Xác định được nguyên hàm của một số hàm số sơ cấp như: $y = x^{\alpha}\left(\alpha \neq -1\right);\ y = \frac{1}{x};\ y = \sin x;\ y = \cos x;$ $y = \frac{1}{\cos^2 x};\ y = \frac{1}{\sin^2 x};\ y = a^x; y = e^x.$ - Tính được nguyên hàm trong những trường hợp đơn giản.
	Tích phân. Ứng dụng hình học của tích phân	- Nhận biết được định nghĩa và các tính chất của tích phân. - Tính được tích phân trong những trường hợp đơn giản. - Sử dụng được tích phân để tính diện tích của một số hình phẳng, thể tích của một số hình khối. - Vận dụng được tích phân để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.
Thực hành trong phòng máy tính với phần mềm toán học (nếu trung tâm có điều kiện thực hiện)		
- Biết phần mềm để hỗ trợ việc học các kiến thức đại số và giải tích. - Biết phần mềm để vẽ các đồ thị; minh họa sự tương giao của các đồ thị; thực hiện các phép biến đổi đồ thị; tạo hoa văn, hình khối. - Biết phần mềm để tạo mô hình khối tròn xoay trong một số bài toán ứng dụng tích phân xác định.		

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học không gian		
Phương pháp tọa độ trong không gian	*Tọa độ của vectơ đối với một hệ trục tọa độ. Biểu thức tọa độ của các phép toán vectơ*	- Nhận biết được vectơ và các phép toán vectơ trong không gian (tổng và hiệu của hai vectơ, tích của một số với một vectơ, tích vô hướng của hai vectơ). - Nhận biết được tọa độ của một vectơ đối với hệ trục tọa độ. - Tính được độ dài của một vectơ khi biết tọa độ hai đầu mút của nó và biểu thức tọa độ của các phép toán vectơ. - Mô tả được biểu thức tọa độ của các phép toán vectơ. - Mô tả được tọa độ của vectơ để giải một số bài toán có liên quan đến thực tiễn.
	Phương trình mặt phẳng	- Nhận biết được phương trình tổng quát của mặt phẳng. - Thiết lập được phương trình tổng quát của mặt phẳng trong hệ trục tọa độ *Oxyz* theo một trong ba cách cơ bản: qua một điểm và biết vectơ pháp tuyến; qua một điểm và biết cặp vectơ chỉ phương (suy ra vectơ pháp tuyến nhờ vào việc tìm vectơ vuông góc với cặp vectơ chỉ phương); qua ba điểm không thẳng hàng.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		- Mô tả được điều kiện để hai mặt phẳng song song, vuông góc với nhau. - Tính được khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng bằng phương pháp tọa độ. - Mô tả được kiến thức về phương trình mặt phẳng để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn.
	Phương trình đường thẳng trong không gian	- Nhận biết được phương trình chính tắc, phương trình tham số, vectơ chỉ phương của đường thẳng trong không gian. - Thiết lập được phương trình của đường thẳng trong hệ trục tọa độ theo một trong hai cách cơ bản: qua một điểm và biết một vectơ chỉ phương, qua hai điểm. - Xác định được điều kiện để hai đường thẳng chéo nhau, cắt nhau, song song hoặc vuông góc với nhau. - Thiết lập được công thức tính góc giữa hai đường thẳng, giữa đường thẳng và mặt phẳng, giữa hai mặt phẳng. - Mô tả được kiến thức về phương trình đường thẳng trong không gian để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Phương trình mặt cầu	- Nhận biết được phương trình mặt cầu. - Xác định được tâm, bán kính của mặt cầu khi biết phương trình của nó. - Viết được phương trình của mặt cầu khi biết tâm và bán kính. - Mô tả được kiến thức về phương trình mặt cầu để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn.
Thực hành trong phòng máy tính với phần mềm toán học (nếu trung tâm có điều kiện thực hiện)		
- Biết phần mềm để hỗ trợ việc học các kiến thức hình học. - Biết phần mềm để biểu thị điểm, vectơ, các phép toán vectơ trong hệ trục tọa độ *Oxyz*. - Biết phần mềm để vẽ đường thẳng, mặt phẳng, mặt cầu trong hệ trục tọa độ *Oxyz*; xem xét sự thay đổi hình dạng khi thay đổi các yếu tố trong phương trình của chúng.		
THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
Thống kê		
Phân tích và xử lý dữ liệu	*Các số đặc trưng của mẫu số liệu ghép nhóm*	- Tính được các số đặc trưng đo mức độ phân tán cho mẫu số liệu ghép nhóm: khoảng biến thiên, khoảng tứ phân vị, phương sai, độ lệch chuẩn. - Giải thích được ý nghĩa và vai trò của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong thực tiễn.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
		- Chỉ ra được những kết luận nhờ ý nghĩa của các số đặc trưng nói trên của mẫu số liệu trong trường hợp đơn giản. - Nhận biết được mối liên hệ giữa thống kê với những kiến thức của các môn học khác trong Chương trình lớp 12 và trong thực tiễn.
Xác suất		
Khái niệm về xác suất có điều kiện	*Xác suất có điều kiện*	- Nhận biết được khái niệm về xác suất có điều kiện. - Giải thích được ý nghĩa của xác suất có điều kiện trong những tình huống thực tiễn quen thuộc.
Các quy tắc tính xác suất	*Các quy tắc tính xác suất*	- Mô tả được công thức xác suất toàn phần, công thức Bayes thông qua bảng dữ liệu thống kê 2 x 2 và sơ đồ hình cây. - Sử dụng được công thức Bayes để tính xác suất có điều kiện và vận dụng vào một số bài toán thực tiễn đơn giản. - Sử dụng được sơ đồ hình cây để tính xác suất có điều kiện trong một số bài toán thực tiễn liên quan tới thống kê đơn giản.
Thực hành trong phòng máy tính với phần mềm toán học (nếu trung tâm có điều kiện thực hiện)		
- Sử dụng phần mềm để hỗ trợ việc học các kiến thức thống kê và xác suất. - Thực hành sử dụng phần mềm để tính phân bố nhị thức, tính toán thống kê.		

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM	
Trung tâm tổ chức cho HV một số hoạt động sau và có thể bổ sung các hoạt động khác tùy vào điều kiện cụ thể. *Hoạt động 1:* Thực hành ứng dụng kiến thức toán học vào thực tiễn hay các chủ đề liên môn, chẳng hạn: Thực hành các hoạt động liên quan đến tính toán, đo lường, ước lượng và tạo lập hình. *Hoạt động 2:* Vận dụng kiến thức toán học vào một số vấn đề liên quan đến tài chính. *Hoạt động 3:* Tổ chức hoạt động ngoài giờ chính khóa: câu lạc bộ toán học; cuộc thi về Toán; dự án học tập; ra báo tường (hoặc nội san) về Toán, chẳng hạn: câu lạc bộ về ứng dụng toán học trong khoa học máy tính và công nghệ thông tin.	

NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ LỚP 12
ỨNG DỤNG TOÁN HỌC VÀO GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ THỰC TIỄN

Chuyên đề 12.1: Biến ngẫu nhiên rời rạc. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc.

Chuyên đề 12.2: Ứng dụng toán học để giải quyết một số bài toán tối ưu.

Chuyên đề 12.3: Ứng dụng toán học trong một số vấn đề liên quan đến tài chính.

Chuyên đề	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 12.1: Biến ngẫu nhiên rời rạc. Các số đặc trưng của	*Biến ngẫu nhiên rời rạc. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc*	- Biết thế nào là biến ngẫu nhiên rời rạc; phân bố xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc; kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn của biến ngẫu nhiên rời rạc.

Chuyên đề	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
biến ngẫu nhiên rời rạc		- Lập và đọc được bảng phân bố xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc với một số ít giá trị. - Tính được kỳ vọng, phương sai và độ lệch chuẩn của biến ngẫu nhiên rời rạc. - Biết ý nghĩa thực tiễn của các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc. - Biết sử dụng kiến thức về xác suất, các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc trong một số tình huống đơn giản gắn với thực tiễn (ví dụ: tìm phương án cho năng suất cao, tìm phương án để rủi ro là ít nhất,...).
	Phân bố Bernoulli. Phân bố nhị thức	- Biết thế nào là phép thử lặp, công thức Bernoulli. - Biết thế nào là phân bố nhị thức, ý nghĩa của phân bố nhị thức. - Biết ứng dụng của phân bố nhị thức trong một số bài toán liên quan đến thực tiễn.
Chuyên đề 12.2: Ứng dụng toán học để giải quyết một số bài toán tối ưu	*Vận dụng hệ bất phương trình bậc nhất để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính*	- Biết thế nào là bài toán quy hoạch tuyến tính. - Sử dụng được các kiến thức về hệ bất phương trình bậc nhất để giải quyết một số bài toán quy hoạch tuyến tính.

Chuyên đề	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
	Vận dụng đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu trong thực tiễn, đặc biệt là trong kinh tế	- Biết sử dụng kiến thức về đạo hàm trong một số tình huống đơn giản gắn với thực tiễn (ví dụ: bài toán tối ưu liên quan đến khoảng cách, thời gian,...). - Biết sử dụng kiến thức về đạo hàm để giải quyết một số bài toán tối ưu trong kinh tế (ví dụ: bài toán tối ưu hóa chi phí sản xuất, bài toán tối ưu hóa lợi nhuận,...).
Chuyên đề 12.3: Ứng dụng toán học trong một số vấn đề liên quan đến tài chính	*Vận dụng kiến thức toán học trong việc giải quyết một số vấn đề về lãi suất và vay nợ của các tổ chức tín dụng*	- Nhận biết được một số vấn đề về tiền tệ. - Sắp xếp được kế hoạch tài chính cá nhân cho các nhu cầu dài hạn như giáo dục hoặc sống tự lập. - Nhận biết được một số vấn đề về lãi suất và vay nợ của các tổ chức tín dụng (như ngân hàng, quỹ tín dụng,...). - Tính được lãi suất được hưởng qua tiền tiết kiệm và các giá trị thực chất có tính đến lạm phát. - Tính được lãi suất cần trả cho thẻ tín dụng, phí sử dụng thẻ (bao gồm các giao dịch). - Nhận biết được kết quả của việc trả các khoản tiền nợ đúng thời hạn, bao gồm hồ sơ tín dụng và giá trị tín dụng. - Vận dụng được kiến thức toán học (như các kiến thức về tỷ số, tỷ số phần trăm, phép tính lũy thừa và lôgarit) trong việc

Chuyên đề	Chủ đề	Yêu cầu cần đạt
		giải quyết một số vấn đề về lãi suất và vay nợ của các tổ chức tín dụng (như ngân hàng, quỹ tín dụng,...).
	Vận dụng kiến thức toán học trong việc giải quyết một số vấn đề về đầu tư	- Nhận biết được một số vấn đề về đầu tư. - Vận dụng được kiến thức toán học (như các kiến thức về tỷ số, tỷ số phần trăm, đạo hàm, cách tìm giá trị cực trị của biểu thức) trong việc giải quyết một số vấn đề về đầu tư. - Mô tả được rằng các khoản đầu tư có thể tăng giá trị, và cũng như tiền, có thể giảm giá trị nếu lạm phát vượt tỷ lệ lãi suất.

IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Dạy học theo Chương trình môn Toán GDTX cấp THPT cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

- Phù hợp với tiến trình nhận thức của HV (đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó); không quá hàn lâm (không quá chú trọng tính lôgic của khoa học toán học) mà cần tăng cường trải nghiệm, gắn với thực tiễn;

- Quán triệt tinh thần *lấy hoạt động của người học làm trung tâm*; phát huy tính tích cực, tự giác, chú ý tới nhu cầu, nhận thức, phong cách học tập khác nhau của mỗi người học; tổ chức quá trình dạy học theo hướng kiến tạo, trong đó HV được tham gia tìm tòi, khám phá, phát hiện, giải quyết vấn đề;

- Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; kết hợp các hoạt động dạy

học trong lớp học với thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Cấu trúc bài học bảo đảm tỷ lệ cân đối, hài hòa giữa kiến thức cốt lõi với thực hành, ứng dụng.

- Khai thác kinh nghiệm, vốn sống, lòng tự trọng, tinh thần tự giác của người học, đặc biệt là người lớn tuổi. Với những nội dung, kiến thức cụ thể cần gắn kết hơn tới sinh hoạt, phong tục, tập quán, sao cho người học nhận thức được ngay và có thể vận dụng trực tiếp vào cuộc sống, lao động và sản xuất.

- Sử dụng hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Toán; có thể sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung và đối tượng người học; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện, thiết bị dạy học khác một cách phù hợp và hiệu quả;

2. Định hướng hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

- Hướng vào hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, môn Toán góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hướng vào giúp HV rèn luyện tính trung thực, tình yêu lao động, tinh thần trách nhiệm, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập; bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú học tập, thói quen đọc sách và ý thức tìm tòi, khám phá khoa học.

- Hướng vào hình thành, phát triển các năng lực chung

- Môn Toán có cơ hội góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học, thông qua việc rèn luyện cho người học cách lựa chọn mục tiêu, lập được kế hoạch học tập, hình thành cách tự học, rút kinh nghiệm và điều chỉnh, để có thể vận dụng vào các tình huống khác trong quá trình học các kiến thức và kỹ năng toán học cũng như khi thực hành, luyện tập hoặc tự lực giải toán, giải quyết các vấn đề có ý nghĩa toán học.

- Môn Toán có cơ hội góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác, thông qua việc nghe hiểu, đọc hiểu, diễn tả được các thông tin cần thiết trong văn bản toán học; thông qua sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trao đổi, trình bày các nội dung, ý tưởng, giải pháp trong sự tương tác với người khác, đồng thời thể hiện sự tự tin, tôn trọng người đối thoại khi mô tả, giải thích các nội dung, ý tưởng toán học.

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, thông qua việc giúp HV nhận biết được tình huống có vấn đề; biết đề xuất, lựa chọn cách thức, quy trình giải quyết vấn đề và biết trình bày giải pháp giải quyết vấn đề đặt ra; biết đánh giá giải pháp đã thực hiện và khái quát hóa thành chiến lược cho giải quyết những vấn đề tương tự.

3. Dạy học môn Toán có cơ hội góp phần hình thành và phát triển các năng lực khác. Cụ thể:

- Môn Toán có nhiều cơ hội để phát triển các thành tố của năng lực toán học (năng lực tư duy và lập luận, năng lực mô hình hóa, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực giao tiếp và năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán), thông qua cung cấp kiến thức toán học, rèn luyện kỹ năng tính toán, ước lượng, đo lường,...

- Môn Toán có cơ hội góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ, thông qua rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, diễn giải tình huống có ý nghĩa toán học hay sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trình bày, diễn tả các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học.

- Môn Toán có cơ hội góp phần phát triển năng lực tin học, thông qua việc sử dụng các phương tiện, công cụ công nghệ thông tin và truyền thông, như một phương tiện đắc lực hỗ trợ trong học tập và tự học,...

- Môn Toán có cơ hội góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ, thông qua việc giúp HV làm quen, nhận biết vẻ đẹp của Toán học trong học tập cũng như trong thế giới tự nhiên.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

- Mục tiêu chủ yếu của đánh giá kết quả giáo dục môn Toán là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự tiến bộ của HV, dựa vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp học, cấp học; điều chỉnh các hoạt động dạy học, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV, nâng cao chất lượng giáo dục môn Toán nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung.

- Vận dụng nhiều hình thức đánh giá (đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn,...) ở những thời điểm thích hợp.

- Đánh giá thường xuyên do GV phụ trách môn học tổ chức, kết hợp với đánh giá của GV các môn học khác, của bản thân HV và của các HV khác trong tổ, trong lớp hoặc đánh giá của bạn bè, người thân của HV. Đánh giá thường xuyên phải lồng ghép ngay trong quá trình học tập của người học, tránh tình trạng tách rời giữa quá trình dạy học và quá trình đánh giá, bảo đảm mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ trong học tập của HV.

- Đánh giá định kỳ nhằm có thông tin về việc đạt được các mục tiêu học tập đã định. Kết quả đánh giá định kỳ được sử dụng để chứng nhận kết quả học tập, công nhận thành tích của HV. Đánh giá định kỳ do cơ sở giáo dục tổ chức, sở giáo dục và đào tạo hoặc thông qua các kỳ đánh giá quốc gia.

- Đánh giá định kỳ còn được sử dụng để phục vụ quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển chương trình GDTX môn Toán cấp THPT.

- Đánh giá năng lực HV dựa trên các biểu hiện và thông qua minh chứng kết quả đạt được trong quá trình học tập của HV.

- Tiến trình đánh giá thường gồm các bước cơ bản như: xác định mục tiêu đánh giá; xác định bằng chứng cần thiết; lựa chọn các phương pháp, công cụ đánh giá thích hợp; thu thập minh chứng, thông tin; phân tích, xử lý thông tin thu được và đưa ra kết luận.

- Cần chú trọng việc lựa chọn phương pháp, công cụ sao cho đánh giá được những biểu hiện của thành tố năng lực toán học. Cụ thể:

+ Đánh giá năng lực tư duy và lập luận toán học: có thể sử dụng một số phương pháp, công cụ đánh giá như các câu hỏi (nói, viết), bài tập,... mà đòi hỏi HV phải trình bày, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa kiến thức; phải vận dụng kiến thức toán học để giải thích, lập luận.

+ Đánh giá năng lực mô hình hóa toán học: lựa chọn những tình huống trong thực tiễn làm xuất hiện bài toán toán học. Từ đó, đòi hỏi HV phải xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn; giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập; thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tiễn và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.

+ Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận dạng tình huống, phát hiện và trình bày vấn đề cần giải quyết; mô tả, giải thích các thông tin ban đầu, mục tiêu, mong muốn của tình huống vấn đề đang xem xét; thu thập, lựa chọn, sắp xếp thông tin và kết nối với kiến thức đã có; sử dụng các câu hỏi (có thể yêu cầu trả lời nói hoặc viết) đòi hỏi người học vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, đặc biệt các vấn đề thực tiễn; sử dụng phương pháp quan sát (như bảng kiểm theo các tiêu chí đã xác định), quan sát người học trong quá trình giải quyết vấn đề; đánh giá qua các sản phẩm thực hành của người học (chẳng hạn sản phẩm của các dự án học tập); quan tâm hợp lý đến các nhiệm vụ đánh giá mang tính tích hợp.

+ Đánh giá năng lực giao tiếp toán học: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép (tóm tắt), phân tích, lựa chọn, trích xuất được được các thông tin toán học cơ bản, trọng tâm trong văn bản nói hoặc viết; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường trong việc trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

+ Đánh giá năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản, ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương tiện học toán; trình bày được cách sử dụng (hợp lí) công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học.

Khi GV lên kế hoạch bài học, cần thiết lập các tiêu chí và cách thức đánh giá để bảo đảm ở cuối mỗi bài học HV đạt được các yêu cầu cơ bản dựa trên các tiêu chí đã nêu, trước khi thực hiện các hoạt động học tập tiếp theo.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

a) Một số thuật ngữ chuyên môn

- Tạo lập: là tạo ra, lập nên. Ví dụ: HV tạo lập được hình hộp chữ nhật thông qua việc vẽ, cắt và lắp ghép các hình chữ nhật (trên giấy hoặc bìa mỏng).

- Trực quan: Quá trình nhận thức của người học cần đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ trực quan đến những kiến thức đã được trừu tượng hóa, hình thức hóa. Chẳng hạn, khi bắt đầu học hình học (nhất là hình học không gian), HV được làm quen với một số đối tượng hình học thông qua hình ảnh trực quan hoặc các dụng cụ trực quan (vật thật). Vì thế, hình học được giảng dạy trong giai đoạn đầu của tiến trình nhận thức của HV nên dựa vào trực quan. Theo đó, GV không nhất thiết yêu cầu HV suy luận ở giai đoạn này, tránh gây áp lực không tốt lên HV, nhưng cũng có thể đề cập đến những kiến thức hình học đã được hình thức hóa nếu điều kiện cho phép.

b) Từ ngữ thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt

- Chương trình môn Toán GDTX cấp THPT sử dụng một số thuật ngữ, động từ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của người học, được nêu trong bảng tổng hợp dưới đây.

- Trong quá trình dạy học, đặc biệt là khi đặt câu hỏi thảo luận hay ra đề kiểm tra, đánh giá, GV có thể dùng những động từ nêu trong bảng tổng hợp này hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho HV.

Mức độ	**Một số động từ mô tả mức độ**	**Ví dụ minh hoạ**
Biết (Nhận biết và nhớ lại các thông tin đã được tiếp nhận trước đó)	Đọc; Đếm; Viết; Làm quen; Nhận dạng; Nhận biết.	- Đếm, đọc, viết được các số hạng của một dãy số. - Làm quen với các khái niệm trong khối tứ diện đều. - Nhận dạng được lăng trụ thông qua việc sử dụng bộ đồ dùng học tập cá nhân hoặc vật thật. - Nhận biết được dạng của hàm số bậc ba.
Hiểu (Hiểu được ý nghĩa của thông tin, diễn đạt được thông tin theo ý hiểu của cá nhân)	Mô tả; Giải thích; Thể hiện; Sắp xếp.	- Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng biến thiên của hàm số. - Giải thích được định lý về dấu của đạo hàm từ việc quan sát đồ thị hàm số bậc ba - Thể hiện được bảng biến thiên của hàm số mũ sau khi xác định được giá trị của cơ số a - Sắp xếp được số liệu trong bảng biến thiên của hàm số
Vận dụng (Vận dụng thông tin đã biết vào một tình huống,	Tính; Vẽ; Thực hiện;	- Tính được khoảng cách thông qua công thức tính thể tích khối chóp. - Vẽ được đồ thị của hàm số bậc bốn.

Mức độ	Một số động từ mô tả mức độ	Ví dụ minh hoạ
điều kiện mới hoặc để giải quyết vấn đề)	Sử dụng; Vận dụng; So sánh; Phân biệt; Lý giải; Chứng minh; Giải quyết.	- Thực hiện được khảo sát và vẽ đồ thị của hàm số bậc ba. - Sử dụng các quy tắc tính giới hạn để tìm giới hạn của các hàm số dạng phân thức đơn giản. - Vận dụng được kiến thức về phương trình mặt cầu để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn. - So sánh được thể tích của hai khối đa diện quen thuộc. - Phân biệt được góc nhị diện và góc giữa hai mặt phẳng. - Lý giải được các cách biểu diễn đồ thị của hàm số mũ, logarit. - Chứng minh được tính đúng đắn của một mệnh đề toán học bằng phương pháp quy nạp toán học. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản liên quan đến thể tích của khối đa diện.

2. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng cho mỗi lớp là 140 tiết/năm học, dạy trong 35 tuần. Trong đó, thời lượng dành cho nội dung cốt lõi là 105 tiết. Dự kiến thời lượng dành cho mỗi mạch nội dung như sau:

Nội dung	Thời lượng số tiết của các lớp		
	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Số, Đại số và Một số yếu tố giải tích	42	43	43

Nội dung	Thời lượng số tiết của các lớp		
	Lớp 10	**Lớp 11**	**Lớp 12**
Hình học và Đo lường	35	36	36
Thống kê và Xác suất	12	12	12
Hoạt động thực hành và trải nghiệm	8	8	8
Ôn tập, kiểm tra định kỳ	8	8	8
Tổng số tiết	**105**	**105**	**105**

Thời lượng dành cho các chuyên đề học tập trong mỗi năm học là 35 tiết. Dự kiến số tiết của các chuyên đề học tập (bao gồm cả kiểm tra, đánh giá) như sau:

Mạch nội dung	Lớp 10 (Tiết)	Lớp 11 (Tiết)	Lớp 12 (Tiết)
Chuyên đề 10.1: Phương pháp quy nạp toán học, Nhị thức Newton	10		
Chuyên đề 10.2: Hệ phương trình bậc nhất ba ẩn	15		
Chuyên đề 10.3: Ba đường conic và ứng dụng	10		
Chuyên đề 11.1: Phép biến hình phẳng		15	
Chuyên đề 11.2: Một số yếu tố vẽ kỹ thuật		10	
Chuyên đề 11.3: Làm quen với một vài yếu tố của Lý thuyết đồ thị		10	

Mạch nội dung	Lớp 10 (Tiết)	Lớp 11 (Tiết)	Lớp 12 (Tiết)
Chuyên đề 12.1: Biến ngẫu nhiên rời rạc. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên rời rạc			10
Chuyên đề 12.2: Ứng dụng toán học để giải quyết một số bài toán tối ưu			15
Chuyên đề 12.3: Ứng dụng toán học trong một số vấn đề liên quan đến tài chính.			10

3. Thiết bị dạy học

a) Thiết bị dạy học tối thiểu của môn Toán thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT. Căn cứ mục tiêu và yêu cầu cần đạt của chương trình môn Toán, các Sở GDĐT cung cấp đủ các thiết bị dạy học tối thiểu, bảo đảm đủ về số lượng và chủng loại. Cụ thể:

+ Đại số và Một số yếu tố Giải tích: Bộ thiết bị dạy và học về Hàm số và đồ thị.

+ Hình học và Đo lường: Bộ thiết bị dạy học về Nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm hình chóp, hình lăng trụ, hình nón, hình cầu, hình trụ, các đường cônic.

+ Thống kê và Xác suất: Bộ thiết bị dạy học về Thống kê và Xác suất

b) Việc sử dụng thiết bị dạy học môn Toán cần bảo đảm một số yêu cầu sau:

- Các thiết bị dạy học phải phục vụ cho mục tiêu dạy học môn Toán, phù hợp với nội dung học và các đối tượng HV, hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học và tránh làm tăng thêm nội dung dạy học, công việc của GV và gây tốn kém không cần thiết.

- Sử dụng đúng thời điểm, đúng đối tượng, đủ cường độ, tránh hình thức hoặc lạm dụng gây phản tác dụng, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học; tạo điều kiện để HV thực sự được thực hành, thao tác trên các thiết bị dạy học, qua đó giúp HV chủ động, tích cực khám phá, phát hiện kiến thức và góp phần phát triển "năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán".

- Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống. Khi có điều kiện, GV hướng dẫn HV cách tìm kiếm thông tin, tư liệu trên Internet hoặc chương trình truyền hình có uy tín về giáo dục để mở rộng vốn hiểu biết và năng lực tự học.

- Phối hợp sử dụng linh hoạt các loại hình thiết bị dạy học: Mỗi loại hình thiết bị đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, do đó tùy thuộc nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học và phối hợp một cách hợp lý, khoa học và sinh động.

c) Tăng cường thiết bị dạy học tự làm: Ngoài các thiết bị dạy học tối thiểu được quy định, cần huy động sáng kiến, sự sáng tạo của HV, giáo viên và phụ huynh trong việc khai thác, thiết kế và sử dụng các thiết bị dạy học tự làm như bảng phụ (trên đó ghi sẵn bài tập mà nhiều HV có thể tham gia giải hoặc lời giải của nó cần được lưu lại trong suốt tiết học) phiếu học tập, bảng tổng kết. . . cho phù hợp với ý tưởng và phương pháp dạy học mà giáo viên sẽ tiến hành và sử dụng.

MÔN LỊCH SỬ

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chương trình môn Lịch sử giúp HV hình thành và phát triển năng lực lịch sử, thành phần của năng lực khoa học đã được hình thành ở cấp THCS; đồng thời góp phần hình thành và phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, truyền thống lịch sử và các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, các phẩm chất, năng lực của người công dân Việt Nam, công dân toàn cầu phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; giúp HV tiếp cận và nhận thức rõ vai trò, đặc điểm của khoa học lịch sử cũng như sự kết nối giữa sử học với các lĩnh vực khoa học và ngành nghề khác, tạo cơ sở để HV định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giúp HV có hiểu hiểu biết hệ thống các chủ đề và chuyên đề học tập về những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam, nhằm nâng cao và mở rộng kiến thức thông sử mà HV đã được học ở cấp THCS.

- Giúp HV tiếp cận những tri thức lịch sử cơ bản trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng; phát triển cho HV năng lực tự học lịch sử suốt đời và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống những hiểu biết về lịch sử, văn hóa, xã hội của thế giới, khu vực và Việt Nam.

- Hình thành các khả năng cần thiết trong học tập bộ môn như : Xem xét các sự kiện lịch sử trong các quan hệ không gian, thời gian (đồng đại, lịch đại), làm việc với sách giáo khoa và các nguồn sử liệu, biết khái quát, xâu chuỗi, tìm mối liên hệ các sự kiện lịch sử. Phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát, đánh giá các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử. Bồi

dưỡng năng lực phát hiện, đề xuất và giải quyết các vấn đề trong học tập lịch sử (điều tra, thu thập, xử lý thông tin, nêu dự kiến giải quyết vấn đề, tổ chức thực hiện dự kiến, kiểm tra tính đúng đắn của kết quả, thông báo, trình bày về kết quả, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế đời sống và để tiếp nhận kiến thức mới...). Hình thành năng lực tự học, tự làm giàu tri thức lịch sử cho HV thông qua các nguồn sử liệu khác nhau (đã có và phát hiện mới).

- Có tình yêu quê hương, đất nước gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc, có thái độ trân trọng đối với các di sản lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, trân trọng nền văn hóa của các dân tộc trên thế giới, có tinh thần quốc tế chân chính, vì hòa bình, tiến bộ xã hội. Có những phẩm chất cần thiết nhất của người công dân: thái độ tích cực trong việc thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm đối với đất nước - cộng đồng; yêu lao động; sống nhân ái, có kỷ luật, tôn trọng và làm theo luật pháp, đoàn kết dân tộc và quốc tế...

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

- Môn Lịch sử góp phần hình thành, phát triển phẩm chất chung chủ yếu theo các mức độ phù hợp với môn Lịch sử đó là: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

- Môn Lịch sử góp phần hình thành, phát triển cho HV những năng lực cốt lõi sau: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình môn Lịch sử giúp HV phát triển năng lực lịch sử trên nền tảng kiến thức cơ bản và nâng cao về lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam thông qua hệ thống chủ đề, chuyên đề về lịch sử chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, văn minh. Năng lực lịch sử có các thành phần là: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Các biểu hiện cụ thể của năng lực lịch sử được trình bày trong bảng sau:

Thành phần năng lực	Biểu hiện
TÌM HIỂU LỊCH SỬ	- Nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử; hiểu được nội dung, khai thác và sử dụng được tư liệu lịch sử trong quá trình học tập. - Tái hiện và trình bày được dưới hình thức nói hoặc viết diễn trình của các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử; xác định được các sự kiện lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể.
NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY LỊCH SỬ	- Giải thích được nguồn gốc, sự vận động của các sự kiện lịch sử; khái quát, sâu chuỗi, tìm ra mối liên hệ, phân tích các sự kiện lịch sử chỉ ra được quá trình phát triển của lịch sử theo lịch đại và đồng đại; so sánh sự tương đồng và khác biệt giữa các sự kiện lịch sử; - Đưa ra được những ý kiến phân tích, nhận xét, đánh giá của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử; hiểu được sự tiếp nối và thay đổi của lịch sử; biết suy nghĩ theo những chiều hướng khác nhau khi xem xét, đánh giá, hay đi tìm câu trả lời về một sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, Kỹ NĂNG ĐÃ HỌC	Rút ra được bài học lịch sử và vận dụng được kiến thức lịch sử để lý giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống; trên nền tảng đó, có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lý thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Nội dung chương trình môn Lịch sử gồm 2 phần: Phần bắt buộc đối với tất cả các học viên và phần lựa chọn cho học viên chọn môn Lịch sử theo định hướng nghề nghiệp.

1.1. Nội dung bắt buộc

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
CHỦ ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP			
- Lịch sử và Sử học	×		
- Vai trò của Sử học	×		
LỊCH SỬ THẾ GIỚI			
- Một số nền văn minh thế giới thời kỳ cổ - trung đại	×		
- Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới	×		
- Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản		×	
- Chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay		×	
- Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh			×
LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á			
- Văn minh Đông Nam Á	×		

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
- Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á		×	
- ASEAN: Những chặng đường lịch sử			×
LỊCH SỬ VIỆT NAM			
- Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	×		
- Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	×		
- Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)		×	
- Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)		×	
- Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông		×	
- Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng 8 năm 1945 đến nay)			×
- Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay			×
- Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam thời cận - hiện đại			×
- Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam			×

1.2. Chuyên đề học tập lựa chọn

a) Mục tiêu

Bên cạnh nội dung giáo dục bắt buộc, trong mỗi năm học, những HV có thiên hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Mục tiêu của các chuyên đề này là:

- Mở rộng, nâng cao kiến thức và năng lực lịch sử đáp ứng yêu cầu phân hóa sâu ở cấp THPT.

- Giúp HV hiểu sâu hơn vai trò của sử học trong đời sống thực tế, những ngành nghề có liên quan đến lịch sử để HV có cơ sở định hướng nghề nghiệp sau này cũng như có đủ năng lực để giải quyết những vấn đề có liên quan đến lịch sử và tiếp tục tự học lịch sử suốt đời.

- Tăng cường hoạt động trải nghiệm thực tế, giúp HV phát triển tình yêu, sự say mê, ham thích tìm hiểu lịch sử dân tộc Việt Nam, lịch sử thế giới.

b) Nội dung các chuyên đề học tập

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
CHUYÊN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP			
Chuyên đề 10.1: Các lĩnh vực của Sử học	×		
CHUYÊN ĐỀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ			
Chuyên đề 10.2: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở Việt Nam	×		
Chuyên đề 11.1: Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam		×	
Chuyên đề 12.1: Lịch sử tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam			×

Mạch nội dung	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO KIẾN THỨC			
Chuyên đề 10.3: Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử	×		
Chuyên đề 11.2: Chiến tranh và hòa bình trong thế kỷ XX		×	
Chuyên đề 11.3: Danh nhân trong lịch sử Việt Nam		×	
Chuyên đề 12.2: Nhật Bản: Hành trình lịch sử từ năm 1945 đến nay			×
Chuyên đề 12.3: Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam			×

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

LỚP 10

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC	
Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức *Lịch sử* - Hiện thực lịch sử - Lịch sử được con người nhận thức	- Trình bày được khái niệm lịch sử. - Phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Sử học - Khái niệm sử học - Đối tượng nghiên cứu của sử học - Chức năng, nhiệm vụ	- Trình bày được khái niệm sử học. - Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học. - Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học.
Tri thức lịch sử và cuộc sống: *Học tập và khám phá lịch sử suốt đời* - Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời - Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử - Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống	- Trình bày được sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời. - Biết cách xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử. - Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). - Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa của các dân tộc Việt Nam và thế giới.
VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC	
Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên - Mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa	- Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và di sản thiên nhiên.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và di sản thiên nhiên	- Có ý thức tham gia bảo vệ các di sản văn hóa và di sản thiên nhiên ở địa phương.
Sử học với sự phát triển du lịch - Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch - Vai trò của du lịch đối với việc bảo tồn di tích lịch sử và di sản văn hóa	- Trình bày được vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch. - Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa.
MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KỲ CỔ - TRUNG ĐẠI	
Khái niệm văn minh thế giới - Khái niệm văn minh - Phân biệt văn minh với văn hóa	- Trình bày được khái niệm văn minh. - Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hóa.
Một số nền văn minh phương Đông *Văn minh Ai Cập* - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.
Văn minh Trung Hoa - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Văn minh Ấn Độ - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo.
Một số nền văn minh phương Tây *Văn minh Hy Lạp - La Mã* - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời kỳ cổ - trung đại. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.
Văn minh thời Phục hưng - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, thiên văn học.
CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI	
Cách mạng công nghiệp thời cận đại	Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp
Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất - Những thành tựu cơ bản	- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Cách mạng công nghiệp lần thứ hai - Những thành tựu cơ bản	- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.
Cách mạng công nghiệp thời hiện đại	
Cách mạng công nghiệp lần thứ ba - Những thành tựu cơ bản	- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng 4.0) - Những thành tựu cơ bản	- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai - Về kinh tế - Về xã hội, văn hóa	- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa.
Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư - Về kinh tế - Về xã hội, văn hóa	- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	- Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử. - Có ý thức tuân thủ những quy định của pháp luật khi tham gia các mạng xã hội trên Internet.
VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI	
Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á *Hành trình phát triển* *Một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á* - Tôn giáo và tín ngưỡng - Văn tự và văn học - Kiến trúc và điêu khắc	- Biết cách sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. - Trình bày được các thời kỳ phát triển của văn minh Đông Nam Á. - Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc. - Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, có ý thức gìn giữ, bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.
MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	
Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam *Văn minh Văn Lang - Âu Lạc*	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu	- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.
Văn minh Champa - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu	- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.
Văn minh Phù Nam - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu	- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ nói trên để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có ý thức trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của dân tộc.
Văn minh Đại Việt *Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt*	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Khái niệm văn minh Đại Việt - Cơ sở hình thành - Quá trình phát triển	- Trình bày được khái niệm văn minh Đại Việt. - Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ. - Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.
Một số thành tựu của văn minh Đại Việt - Về kinh tế - Về chính trị - Về tư tưởng, tôn giáo - Về văn hóa, giáo dục, văn học, nghệ thuật	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt. - Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, văn học, nghệ thuật.
Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam	- Trình bày được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. - Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hóa Việt Nam.
CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM	
Các dân tộc trên đất nước Việt Nam Thành phần dân tộc theo dân số	- Nêu được thành phần dân tộc theo dân số.
Thành phần dân tộc theo ngữ hệ	- Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam	
- Đời sống vật chất	- Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Đời sống tinh thần	- Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam	
Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam	
- Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc	- Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam.
- Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước	- Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước.
- Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	- Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay - Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc - Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước	- Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. - Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh. - Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
- Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học - Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hóa),... - Học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. - Tổ chức các câu lạc bộ, cuộc thi "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học trẻ tuổi", các trò chơi lịch sử.	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 10

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 10.1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC	
Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực *Khái quát về một số cách trình bày lịch sử truyền thống* - Kể chuyện về quá khứ - Lịch sử biên niên	- Tóm tắt được một số cách trình bày lịch sử truyền thống thông qua ví dụ cụ thể.
Thông sử - Khái niệm - Nội dung chính	- Trình bày được khái niệm thông sử. - Nêu được nội dung chính của thông sử.
Lịch sử theo lĩnh vực - Khái quát về các lĩnh vực của lịch sử - Ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực	- Nêu được nét khái quát về các lĩnh vực của lịch sử. - Trình bày được ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực.
Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới - Lịch sử dân tộc - Lịch sử thế giới	- Nêu được khái niệm và nội dung chính của lịch sử dân tộc, lịch sử thế giới.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam	
Lịch sử văn hóa Việt Nam	
- Đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hóa Việt Nam	- Nêu được đối tượng và phạm vi của lịch sử văn hóa Việt Nam.
- Khái lược tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam	- Trình bày được nét chính của lịch sử văn hóa Việt Nam.
Lịch sử xã hội Việt Nam	
- Đối tượng của lịch sử xã hội	- Trình bày được đối tượng của lịch sử xã hội.
- Khái lược về xã hội Việt Nam truyền thống và hiện đại	- Trình bày được nét chính của lịch sử xã hội Việt Nam.
Lịch sử kinh tế Việt Nam	
- Đối tượng của lịch sử kinh tế	- Trình bày được đối tượng của lịch sử kinh tế.
- Khái lược lịch sử kinh tế Việt Nam	- Trình bày được nét chính của lịch sử kinh tế Việt Nam.
Chuyên đề 10.2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM	
Di sản văn hóa	
- Khái niệm di sản văn hóa	- Trình bày được khái niệm di sản văn hóa.
- Ý nghĩa của di sản văn hóa	- Nêu được ý nghĩa của di sản văn hóa: tài sản vô giá của cộng đồng, dân tộc, nhân loại được kế thừa từ các thế hệ trước cho các thế hệ mai sau.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa	
Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển - Khái niệm bảo tồn di sản văn hóa	- Trình bày được khái niệm bảo tồn di sản văn hóa.
Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản - Cơ sở khoa học của công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa - Các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa	- Trình bày được cơ sở khoa học của công tác bảo tồn di sản văn hóa trong quá trình phát triển bền vững của đất nước. - Nêu được các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: tuyên truyền giáo dục ý thức bảo tồn di sản, đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường biện pháp bảo vệ di sản,...
Một số di sản văn hóa tiêu biểu của dân tộc Việt Nam (gợi ý) *Giới thiệu một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu* - Dân ca quan họ Bắc Ninh - Ca trù - Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên - Nhã nhạc cung đình Huế - Đờn ca tài tử Nam Bộ	- Xác định được vị trí phân bố các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số những di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Giới thiệu một số di sản văn hóa vật thể tiêu biểu - Trống đồng Đông Sơn - Thành Cổ Loa - Hoàng thành Thăng Long - Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) - Quảng trường Ba Đình và Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh - Thành Nhà Hồ - Cố đô Huế - Tháp Chăm - ...	- Xác định được vị trí phân bố các di sản lịch sử văn hóa vật thể tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được nét cơ bản về một trong số di sản lịch sử văn hóa vật thể tiêu biểu.
Giới thiệu một số di sản thiên nhiên tiêu biểu - Các Công viên địa chất: Cao nguyên đá Đồng Văn, Non nước Cao Bằng - Vịnh Hạ Long - Vườn quốc gia Cúc Phương - Vườn quốc gia Cát Tiên - ...	- Xác định vị trí phân bố các di sản thiên nhiên tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số những di sản thiên nhiên tiêu biểu.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Giới thiệu một số di sản phức hợp tiêu biểu - Khu di tích - danh thắng Tràng An (Ninh Bình) - Khu di tích - danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh)	- Xác định được vị trí phân bố các di sản phức hợp tiêu biểu trên bản đồ. - Giới thiệu được những nét cơ bản về một trong số các di sản phức hợp tiêu biểu.
Chuyên đề 10.3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ	
Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858) *Một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu* - Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần - Nhà nước quân chủ thời Lê sơ - Nhà nước quân chủ thời Nguyễn	- Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam tiêu biểu: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn. - Nêu và phân tích được đặc điểm của mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể: Nhà nước quân chủ thời Lý - Trần, thời Lê sơ, thời Nguyễn.
Một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước năm 1858 - Quốc triều hình luật - Hoàng Việt luật lệ	- Trình bày được nét chính của hai bộ luật tiêu biểu của nhà nước quân chủ Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1945 - 1976) *Sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* - Bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	- Trình bày được bối cảnh ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. - Nêu được ý nghĩa của việc ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
Vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kỳ 1945 - 1976.	- Trình bày được đặc điểm và tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. - Nêu được vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong quá trình kháng chiến chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước thời kỳ 1945 - 1976.
Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 đến nay *Sự ra đời của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*	- Trình bày được bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Bối cảnh ra đời của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam *Vai trò của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* - Vai trò của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế	- Nêu được ý nghĩa lịch sử của việc ra đời Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Nêu được vai trò của Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế
Một số bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay *Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay* - Bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp Việt Nam: các năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013	- Nêu được điểm chung về bối cảnh ra đời của các bản Hiến pháp ở Việt Nam từ năm 1946 đến nay (1946,1959,1980,1992 và 2013): những thay đổi quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, gắn với một giai đoạn phát triển của lịch sử dân tộc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Một số điểm chung của các bản Hiến pháp Việt Nam	- Trình bày được một số điểm chính của các bản Hiến pháp Việt Nam: cơ sở pháp lý để xây dựng hệ thống pháp luật, tổ chức hoạt động của bộ máy Nhà nước.
Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam: Hiến pháp năm 1946 - Một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946 - Ý nghĩa lịch sử	- Nêu được một số nội dung chính của Hiến pháp năm 1946: ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng Tám 1945, quyền bình đẳng và nghĩa vụ công dân, cơ cấu hệ thống chính trị,... - Trình bày được ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.
Hiến pháp của thời kỳ đổi mới: Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 2013 - Hiến pháp năm 1992: Hiến pháp đầu tiên của thời kỳ đổi mới - Hiến pháp năm 2013: Hiến pháp thứ hai của thời kỳ đổi mới	- Nêu được một số nét chính của Hiến pháp năm 1992: ban hành trong những năm đầu của công cuộc Đổi mới, là cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng để thực hiện công cuộc Đổi mới,... - Trình bày được điểm mới của Hiến pháp năm 2013: sự tiến bộ về tư tưởng dân chủ, cơ cấu Nhà nước, kỹ thuật lập hiến,... - Có ý thức trân trọng lịch sử lập hiến của dân tộc, có trách nhiệm và sẵn sàng vận động người khác cùng tuân thủ pháp luật.

LỚP 11

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN	
Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản *Tiền đề của các cách mạng tư sản* - Kinh tế - Chính trị - Xã hội - Tư tưởng	- Trình bày được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng.
Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản - Mục tiêu và nhiệm vụ - Giai cấp lãnh đạo và động lực cách mạng	- Trình bày được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.
Kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản - Kết quả - Ý nghĩa	- Nêu được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.
Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản *Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ*	- Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản - Chủ nghĩa tư bản và quá trình xâm lược thuộc địa - Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản - Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền	- Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản. - Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
Chủ nghĩa tư bản hiện đại - Khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại - Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại	- Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Nêu được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và hạn chế của chủ nghĩa tư bản.
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY	
Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết - Quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết - Ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết	- Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Trình bày được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai	
- Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu	- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Sự mở rộng chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ Latinh.	- Nêu được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á, khu vực Mỹ Latinh .
- Nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô	- Phân tích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô.
Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay	
- Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay	- Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.
- Thành tựu chính của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc	- Nêu được thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc. - Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội. Có ý thức sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á	
Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Quá trình xâm lược và cai trị - Đông Nam Á hải đảo - Đông Nam Á lục địa	- Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa).
Công cuộc cải cách ở Xiêm - Công cuộc cải cách ở Xiêm - Ý nghĩa của công cuộc cải cách ở Xiêm	- Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm. - Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á *Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á* - Đông Nam Á hải đảo - Đông Nam Á lục địa	- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (Indonesia, Philippines) và Đông Nam Á lục địa (Myanmar, ba nước Đông Dương).
Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á - Cuối thế kỷ XIX đến năm 1920 - Từ năm 1920 đến năm 1945 - Từ năm 1945 đến năm 1975	- Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Thời kỳ tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập - Những ảnh hưởng của chế độ thực dân - Quá trình tái thiết và phát triển	- Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam. - Trình bày được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á. - Có ý thức trân trọng những thành quả đấu tranh giành độc lập và phát triển của các dân tộc ở Đông Nam Á hiện nay.
CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)	
Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam *Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam* - Vị trí địa chiến lược của Việt Nam - Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	- Nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam. - Trình bày được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	- Biết trân trọng truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của các thế hệ Việt Nam trong lịch sử.
Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu - Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 - Cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 và những năm 1075 - 1077 - Ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên - Kháng chiến chống quân Xiêm những năm 1784 - 1785 - Kháng chiến chống quân Thanh năm 1789	- Biết sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. - Trình này được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. - Trình bày được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược.
Một số cuộc kháng chiến không thành công - Kháng chiến chống quân Triệu - Kháng chiến chống Minh - Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nửa sau thế kỷ XIX - Nguyên nhân không thành công	- Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến không thành công về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. - Trình bày được được nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử. - Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỷ III TCN - đến cuối thế kỷ XIX) *Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kỳ Bắc thuộc* - Khởi nghĩa Hai Bà Trưng - Khởi nghĩa Bà Triệu - Khởi nghĩa Lý Bí - Khởi nghĩa Phùng Hưng	- Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kỳ Bắc thuộc. - Nêu được ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
Khởi nghĩa Lam Sơn - Bối cảnh lịch sử - Diễn biến chính - Ý nghĩa lịch sử	- Trình bày được bối cảnh lịch sử của khởi nghĩa Lam Sơn. - Nêu được diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn. - Nêu được ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn.
Phong trào Tây Sơn - Bối cảnh lịch sử - Diễn biến chính - Ý nghĩa lịch sử	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn. - Trình bày được bối cảnh lịch sử và những diễn biến chính của phong trào Tây Sơn. - Nêu được ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Một số bài học lịch sử - Về quá trình tập hợp lực lượng - Về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc - Về nghệ thuật quân sự - Bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay	- Rút ra những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam về quá trình vận động, tập hợp quần chúng nhân dân tham gia, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự. - Nêu được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	
Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (đầu thế kỷ XV) - Bối cảnh lịch sử - Nội dung chính - Kết quả, ý nghĩa	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ.
Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỷ XV - Bối cảnh lịch sử - Nội dung chính - Kết quả, ý nghĩa	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách thời Lê Thánh Tông.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Cuộc cải cách Minh Mạng nửa đầu thế kỷ XIX - Bối cảnh lịch sử - Nội dung chính - Kết quả, ý nghĩa	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách thời Minh Mạng. - Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.
LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG	
Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông *Vị trí của Biển Đông*	- Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ.
Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông - Tuyến đường giao thông biển huyết mạch - Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương - Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển	- Trình bày được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.
Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông - Vị trí của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa - Tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.	- Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ. - Trình bày được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Việt Nam và Biển Đông *Tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam* - Về quốc phòng, an ninh - Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm	- Trình bày được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa - Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa - Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử. - Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình - Ban hành văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền	- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Tham gia Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS) - Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012 - Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)	- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
- Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học - Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hóa),... - Học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. - Tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học trẻ tuổi", các trò chơi lịch sử.	- Củng cố, khắc sâu kiến thức Lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỚP 11

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 11.1: LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM	
Nghệ thuật thời Lý - Trần ***Nghệ thuật thời Lý*** - Kiến trúc - Điêu khắc	- Nêu được những nét cơ bản của nghệ thuật thời Lý về kiến trúc, điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,...
Nghệ thuật thời Trần - Kiến trúc - Điêu khắc	- Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Trần về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.
Nghệ thuật thời Lê sơ - Kiến trúc - Điêu khắc	- Nêu được những thành tựu nghệ thuật chính thời Lê sơ về kiến trúc và điêu khắc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu.
Nghệ thuật thời Nguyễn - Kiến trúc - Điêu khắc - Mỹ thuật - Âm nhạc	- Mô tả được những nét cơ bản về nghệ thuật thời Nguyễn về kiến trúc, điêu khắc, mỹ thuật, âm nhạc thông qua hoạt động trải nghiệm thực tế hoặc sưu tầm tranh ảnh, tài liệu,... - Nêu được những điểm mới của nghệ thuật thời Nguyễn.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 11.2: CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH TRONG THẾ KỈ XX	
Chiến tranh và hòa bình nửa đầu thế kỷ XX ***Hai cuộc chiến tranh thế giới nửa đầu thế kỷ XX*** - Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918): nguyên nhân, hậu quả và tác động - Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945): nguyên nhân, hậu quả và tác động	- Nêu được nguyên nhân cơ bản dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới. - Phân tích được những hậu quả và tác động của hai cuộc chiến tranh thế giới.
Cuộc đấu tranh vì hòa bình giữa hai cuộc chiến tranh thế giới - Sắc lệnh hòa bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hòa bình của Liên Xô - Hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu giữa hai cuộc chiến tranh thế giới - Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh	- Trình bày được khát vọng hòa bình và cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới thông qua ví dụ cụ thể: Sắc lệnh hòa bình của Lênin năm 1917, chính sách ngoại giao hòa bình của Liên Xô; Những nỗ lực xây dựng hệ thống an ninh tập thể ở châu Âu; Phong trào Mặt trận nhân dân chống phát xít và nguy cơ chiến tranh,...

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Phong trào kháng chiến chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai - Phong trào kháng chiến chống phát xít ở châu Âu, châu Á, châu Phi - Cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô	- Nêu được ý nghĩa của phong trào kháng chiến chống phát xít vì hòa bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh thế giới thứ hai. - Trình bày được ý nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô.
Chiến tranh và hòa bình từ sau năm 1945 đến nay ***Chiến tranh lạnh (1947 - 1989)*** - Nguyên nhân, đặc điểm - Hậu quả	- Nêu được nét chính về nguyên nhân, đặc điểm của Chiến tranh lạnh. - Phân tích được những hậu quả của cuộc Chiến tranh lạnh đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.
- Kết thúc Chiến tranh lạnh: nguyên nhân và tác động	- Nêu được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh. - Phân tích được những hậu quả của Chiến tranh lạnh đối với thế giới và Việt Nam. - Trình bày được nguyên nhân kết thúc Chiến tranh lạnh và tác động đối với thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chiến tranh, xung đột quân sự sau Chiến tranh lạnh	
- Các cuộc nội chiến, xung đột quân sự khu vực - Cuộc tấn công khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001 và cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ	- Trình bày được vì sao sau Chiến tranh lạnh, các cuộc chiến tranh, xung đột vẫn tiếp diễn thông qua ví dụ cụ thể: sự kiện ngày 11 tháng 9 năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu của Mỹ, chiến tranh Iraq, Afghanistan, các cuộc chiến tranh ở khu vực Trung Đông,...
Đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới	
- Đấu tranh chống chạy đua vũ trang, vì hòa bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh	- Sưu tầm tư liệu để tìm hiểu về cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới trong Chiến tranh lạnh: Đại hội hòa bình thế giới ngày 26 tháng 4 năm 1949 (Paris), sự thành lập Hội đồng Hòa bình thế giới và các hoạt động chính.
- Phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam	- Nêu được nét chính về phong trào quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể.
- Đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới sau Chiến tranh lạnh	- Giải thích được vì sao cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới vẫn tiếp diễn sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc. - Có ý thức trân trọng và góp phần tham gia vào cuộc đấu tranh vì hòa bình của nhân dân thế giới.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chuyên đề 11.3: DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	
Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc Khái niệm danh nhân Vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc	- Trình bày được khái niệm danh nhân. - Nêu được nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử dân tộc.
Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ - trung đại (Gợi ý lựa chọn) Đinh Bộ Lĩnh Trần Thủ Độ Lê Thánh Tông Minh Mệnh (Minh Mạng) ...	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại. - Nêu được những đóng góp chính của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam thời cổ - trung đại. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của các nhà chính trị nổi tiếng trong lịch sử dân tộc.
Một số danh nhân quân sự Việt Nam (Gợi ý lựa chọn) Ngô Quyền Trần Quốc Tuấn Nguyễn Huệ	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu được thân thế, sự nghiệp của một số danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. - Nhận xét được vai trò của danh nhân quân sự trong lịch sử Việt Nam. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân quân sự trong lịch sử dân tộc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Võ Nguyên Giáp ...	
Một số danh nhân văn hóa Việt Nam (Gợi ý lựa chọn) Trần Nhân Tông Nguyễn Trãi Nguyễn Du Hồ Xuân Hương …	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân văn hóa trong lịch sử Việt Nam. - Nêu được nhận xét về những đóng góp chính của danh nhân văn hóa trong lịch sử Việt Nam thông qua ví dụ cụ thể. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân văn hóa trong lịch sử dân tộc.
Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo (Gợi ý lựa chọn) Chu Văn An Lê Quý Đôn Tuệ Tĩnh Trần Đại Nghĩa Tôn Thất Tùng Đào Duy Anh ...	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để hiểu về một số danh nhân trong lịch sử Việt Nam về lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo. - Nêu được nhận xét về đóng góp chính của danh nhân trong lĩnh vực khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo thông qua ví dụ cụ thể. - Có ý thức trân trọng những đóng góp của danh nhân khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo trong lịch sử dân tộc.

LỚP 12

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH	
Liên hợp quốc *Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc* - Lịch sử hình thành	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập Liên hợp quốc. - Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc.
- Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động	- Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.
Vai trò của Liên hợp quốc - Trong lĩnh vực hòa bình, an ninh quốc tế - Trong lĩnh vực phát triển - Trong lĩnh vực quyền con người, văn hóa, xã hội và các lĩnh vực khác	- Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình, an ninh quốc tế. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội.
Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh *Sự hình thành và tồn tại Trật tự hai cực Yalta*	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực Yalta. - Trình bày được sự hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực Yalta.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực Yalta - Nguyên nhân sụp đổ - Tác động	- Trình bày được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực Yalta. - Trình bày được tác động sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực Yalta đối với tình hình thế giới.
Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh - Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh	- Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.
Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế Khái niệm đa cực Xu thế đa cực	- Trình bày được khái niệm đa cực. - Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. - Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh lạnh để hiểu và giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế.
ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ	
Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) *Quá trình hình thành và mục đích của ASEAN* - Quá trình hình thành - Mục đích thành lập	- Biết cách sử dụng tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN. - Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Hành trình phát triển của ASEAN - Từ ASEAN 5 (năm 1967) đến ASEAN 10 (năm 1999) - Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay)	- Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. - Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay).
Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực *Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN* - Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN - Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN - Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN	- Biết cách sử dụng được tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN. - Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.
Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN - Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) - Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) - Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC)	- Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
Cộng đồng ASEAN sau năm 2015 - Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015 - Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN	- Nêu được nhưng thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)	
Cách mạng tháng Tám năm 1945 *Khái quát về Cách mạng tháng Tám năm 1945* - Bối cảnh lịch sử - Diễn biến chính	- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Nguyên nhân thắng lợi - Ý nghĩa và bài học lịch sử	- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Trình bày được ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) *Khái quát về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp* - Bối cảnh lịch sử - Những diễn biến chính	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Nguyên nhân thắng lợi - Ý nghĩa lịch sử	- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) *Khái quát về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* - Bối cảnh lịch sử - Các giai đoạn phát triển chính	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
Nguyên nhân thắng lợi, vị trí, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Nguyên nhân thắng lợi - Ý nghĩa lịch sử	- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong tiến trình lịch sử Việt Nam. - Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay	
Khái quát về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay - Bối cảnh lịch sử - Diễn biến chính	- Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của: cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 năm 1975 đến đầu những năm 80 của thế kỷ XX), cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng biên giới phía Bắc và ở Biển Đông từ năm 1979 đến nay.
Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay - Ý nghĩa lịch sử	- Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay.
Một số bài học lịch sử - Về tinh thần yêu nước - Về vai trò của khối đoàn kết dân tộc - Về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại - Về nghệ thuật lãnh đạo, nghệ thuật quân sự	- Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. - Trình bày được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY	
Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay	
Giai đoạn 1986 - 1995: khởi đầu công cuộc đổi mới *Giai đoạn 1996 - 2006*: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế. *Giai đoạn 2006 đến nay*: tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng	- Trình bày được các giai đoạn phát triển của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.
Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay *Thành tựu cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và hội nhập quốc tế*	- Trình bày được những thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và hội nhập quốc tế.
Một số bài học kinh nghiệm - Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh - Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp	- Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ 1986 đến nay.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân - Kết hợp sức mạnh nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới	
LỊCH SỬ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM THỜI CẬN - HIỆN ĐẠI	
Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).
Hoạt động đối ngoại Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954.
Hoạt động đối ngoại Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ 1954 - 1975.
Hoạt động đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn 1975 - 1985	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 - 1985.
Hoạt động đối ngoại Việt Nam thời kỳ Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ 1986 đến nay. - Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	
Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh *Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh* - Hoàn cảnh đất nước - Hoàn cảnh quê hương - Hoàn cảnh gia đình	- Biết cách sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. - Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.
Tiểu sử Hồ Chí Minh - Xuất thân - Quê quán	- Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh.
Khái quát về sự nghiệp của Hồ Chí Minh - Tuổi trẻ - Hoạt động ở nước ngoài (1911 - 1941) - Trở về Việt Nam - Trong nhà tù ở Trung Quốc - Hoạt động lãnh đạo cách mạng	- Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc *Xác định con đường cứu nước* - Hành trình đi tìm đường cứu nước - Con đường cứu nước - Ý nghĩa của việc tìm ra con đường cứu nước	- Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ. - Trình bày được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh. - Nêu được ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước.
Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng - Triệu tập và chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	- Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản. - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 - Triệu tập và chủ trì Hội nghị Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941)	- Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc triệu tập Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941), thành lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 tháng 5

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Sáng lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 tháng 5 năm 1941) - Thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (ngày 22 tháng 12 năm 1944) - Cùng Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	năm 1941), thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (ngày 22 tháng 12 năm 1944), trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 và lập ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
Lãnh đạo kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và chống Mỹ (1954 - 1969) - Giai đoạn 1945 - 1946 - Giai đoạn 1946 - 1954 - Giai đoạn 1954 - 1969	- Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám (1945 - 1946) khi thực hiện chủ trương "hòa để tiến" thông qua việc ký Hiệp định Sơ bộ (ngày 06 tháng 3 năm 1946) và bản Tạm ước (ngày 14 tháng 9 năm 1946). - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954). - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1969). - Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam *Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới* - Danh hiệu: + Năm 1987, UNESCO công nhận Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn + Nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và những giá trị tư tưởng và văn hóa của Hồ Chí Minh - Tưởng niệm: Nhà lưu niệm; Đài kỷ niệm; Đặt tên một số đại lộ,...	- Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam - Bảo tàng, Nhà lưu niệm - Hình tượng văn học, nghệ thuật - Phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh	- Nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam. - Có ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
- Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học - Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hóa),... - Học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. - Tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học trẻ tuổi", các trò chơi lịch sử.	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.

(Xem tiếp Công báo số 675 + 676)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng